TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **12**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L; sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp CS, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Quách Hoài S, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp CS, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/3/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện vụ án hôn nhân ngày 11 tháng 02 năm 2019 nguyên đơn bà Huỳnh Thị L (sau đây gọi tắt là bà L) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông S chung sống với nhau như chồng vào tháng 9 năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hơn 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đời sống vợ chồng không

còn hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Nay bà L xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà L yêu cầu ly hôn với ông S.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Quách Văn L1, sinh năm 1994 và Quách Phước N, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/3/2019 bị đơn ông Quách Hoài S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông S thống nhất theo lời trình bày của bà L, ông S đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Quách Văn L1, sinh năm 1994 và Quách Phước N, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Đơn xác nhận nơi cư trú; giấy CMND; sổ hộ khẩu (bản sao); bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt của ông S.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà L yêu cầu được ly hôn với ông S. Ông S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Hội đồng xét xử công bố đơn xin xét xử vắng mặt của ông Quách Hoài S, đề ngày 22/3/2019. Nội dung: xin Tòa án xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Sương và ông Lâm chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, chung sống trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nhưng bà L và ông S không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà L và ông S chung sống với nhau khoảng 26 năm thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do đời sống chung bất đồng quan điểm sống, không còn hòa hợp. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông S, ông S cũng thống nhất ly hôn, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị L và ông Quách Hoài S.

[2] *Về con chung*: Bà L và ông S có 02 người con chung tên Quách Văn L1, sinh năm 1994 và Quách Phước N, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành và đã

có gia đình riêng. Bà L và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản và nợ chung*: Bà L và ông S yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn nếu bà L và ông S có yêu cầu về chia tài sản và nợ chung thì yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Huỳnh Thị L phải án chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000816, ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 53, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị L và ông Quách Hoài S.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên bà L và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà L và ông S yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000816, ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà L đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh KG;*
- *VKS ND huyện UMT;*
- *Chi cục THA huyện UMT;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh